

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **252/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 12/11/2021
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hà Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan

Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa:
Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 125/2021/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021, Thông báo dời thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án số 579/TB – TA, Thông báo mở lại phiên tòa xét xử vụ án số 835/TB-TA ngày 22/10/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Kim Thị K, sinh năm 1973.

- Bị đơn: Ông Kim Văn T, sinh năm 1966.

Cùng cư trú: A, tổ B, khu phố C, phường D, thành phố E, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 12 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Kim Thị K trình bày : Bà và ông T xây dựng

gia đình vào năm 1991 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/11/1991 tại UBND xã DD, huyện V, tỉnh Vĩnh Phú.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về tình cảm, xung đột và không còn tôn trọng lẫn nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay bà xin được ly hôn với ông Tiến để trả tự do cho nhau.

Về con chung: có 03 con chung tên:

1. Kim Văn Q, sinh năm 1992.
2. Kim Thị V, sinh năm 1994.
3. Kim Thành L, sinh năm 1999.

Các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Kim Thị K.

Về con chung: Các cháu đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nên không xem xét giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Giải quyết bằng vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Kim Thị K xin ly hôn ông Kim Văn T, theo biên bản xác minh tại Công an phường D ngày 03/3/2021 ông T là bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại số A, tổ B, khu phố C, phường D, thành phố E, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật

Tổ tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Ông Kim Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo công khai việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng đều vắng mặt không có lý do. Bà Kim Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, Điều 208; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiến hành đưa vụ án xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông T xây dựng gia đình với nhau vào năm 1992, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/1991 tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phú nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 6, Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về tình cảm, xung đột và không còn tôn trọng lẫn nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Bà K có đơn yêu cầu được ly hôn ông T.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đã nhiều lần mời ông T làm việc nhưng ông T không đến chứng tỏ ông đã bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình không quan tâm đến việc hàn gắn gia đình. Tại biên bản xác minh ngày 04/3/2021 của chính quyền địa phương mặc dù ghi nhận không biết về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà K, ông T, tuy nhiên theo lời khai của anh Kim Thành L, sinh năm 1999 là con ruột và sống chung cùng vợ chồng bà K, ông T xác định giữa ông T và bà K có mâu thuẫn, có cãi vã liên quan đến nhiều vấn đề trong gia đình, nếu ông bà còn chung sống với nhau thì mâu thuẫn gia đình sẽ ngày càng phức tạp.

Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà K, ông T có kéo dài cũng không đem đến hạnh phúc, ông T không có thiện chí hoặc biện pháp để hàn gắn gia đình, mục đích hôn nhân không đạt; Căn cứ Điều 51, Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của bà K, cho bà K được ly hôn với ông T

[3] Về con chung: bà K, ông T có 03 con chung tên:

1. Kim Văn Q, sinh năm 1992.
2. Kim Thị V, sinh năm 1994.
3. Kim Thành L, sinh năm 1999.

Xét thấy con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung: do chưa có ý kiến trình bày của ông T về tài sản và nợ chung nên giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên có yêu cầu.

[5] Về án phí: Bà Kim Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 207, Điều 208; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 6; Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 51, 53, 56, và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Kim Thị K, xử cho bà Kim Thị K được ly hôn ông Kim Văn T.

2. **Về con chung:** Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét.

3. **Về tài sản chung, nợ chung :** giải quyết bằng vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu

4. **Về án phí:** Bà Kim Thị K phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0007999 ngày 05/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà.

5. Bà Kim Thị K, ông Kim Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên hòa
- THADS thành phố Biên Hòa
- Các đương sự
- Nơi đăng ký kết hôn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hà Vân

